
TÁC ĐỘNG CỦA TIỀN GỬI TỪ DI CƯ NỘI ĐỊA ĐẾN KHẢ NĂNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG CỦA HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hoài Thu

Học viện Ngân hàng

Email: hoaithu@hvn.edu.vn

Bùi Huy Nhung

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: nhuongbh@neu.edu.vn

Ngày nhận: 29/01/2021

Ngày nhận bản sửa: 11/5/2021

Ngày duyệt đăng: 05/6/2021

Tóm tắt:

Nghiên cứu này đánh giá tác động của việc nhận tiền gửi từ di cư nội địa đến tài chính toàn diện ở Việt Nam, biểu hiện qua khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình. Kết quả từ phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn (2SLS) cho thấy nhìn chung việc nhận được tiền gửi làm tăng khả năng hộ có tài khoản tại ngân hàng và sử dụng các dịch vụ thẻ do ngân hàng cung cấp. Xét theo khu vực nông thôn và thành thị, nhận tiền gửi từ di cư nội địa làm tăng khả năng mở tài khoản ngân hàng của hộ ở cả hai khu vực. Tuy nhiên, nhận được tiền gửi từ di cư nội địa chỉ có tác động làm tăng khả năng sử dụng dịch vụ thẻ đối với các hộ ở khu vực nông thôn. Kết quả nghiên cứu này cho thấy vai trò tích cực của tiền gửi từ di cư nội địa trong việc tăng khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình, từ đó góp phần tăng cường tài chính toàn diện ở Việt Nam.

Từ khóa: Tài chính toàn diện, di cư nội địa, tiền gửi, 2SLS.

Mã JEL: O15, D14.

Impact of internal remittance on households' use of bank services in Vietnam

Abstract:

This study estimates the impact of remittances from internal migration on households' using of bank services in Vietnam. The results from the two-stage least squares method (2SLS) show that receiving internal remittance increases households' probability of having bank accounts and using card services. In both rural and urban areas, internal remittances expose a positive impact on opening deposit accounts and using card services. However, this impact is only statistically significant for households in rural areas. The results of this study reveal the positive role of internal remittance in increasing the probability of households' using bank services, thereby enhancing financial inclusion in Vietnam.

Keywords: Financial inclusion, internal migration, remittance, 2SLS.

JEL code: O15, D14.

1. Mở đầu

Di cư nội địa và gửi tiền về nhà là một hiện tượng phổ biến ở Việt Nam. Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019 cho thấy 6,4 triệu người trong tổng số hơn 88 triệu dân số từ 5 tuổi trở lên ở Việt Nam là người di cư, chiếm 7,3%. Mặc dù các thống kê về tiền gửi từ di cư nội địa không sẵn có nhưng ước lượng từ Khảo sát mức sống hộ gia đình 2016 (VHLSS 2016) cho thấy có hơn 26% hộ gia đình ở Việt Nam nhận được tiền gửi từ di cư nội địa với giá trị trung bình xấp xỉ 10,6 triệu đồng/năm.

Tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính, trong đó có dịch vụ do ngân hàng cung cấp là một trong những yếu tố cơ bản thúc đẩy tài chính toàn diện. Đây được cho là nhân tố đóng vai trò quan trọng đối với mục tiêu

phát triển bền vững của các quốc gia thông qua làm tăng tiết kiệm, đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo và gia tăng bình đẳng. Liên Hợp Quốc nhấn mạnh rằng để đạt được 7 trong số 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 thì tài chính toàn diện là một giải pháp quan trọng.

Các lý thuyết di cư cho thấy tiền gửi là một mặt không tách rời của di cư. Theo lý thuyết kinh tế mới về di cư (New Economics of Labor Migration - NELM), di cư không phải là quyết định riêng lẻ của một cá nhân mà còn bao gồm những người khác, đặc biệt là các thành viên trong gia đình. Di cư có thể coi là một chiến lược của hộ, chính vì vậy người di cư có xu hướng gửi tiền về nhà (Stark & cộng sự, 1986; Stark & Taylor, 1991). Như vậy, tiền gửi từ di cư nội địa có thể tác động đến khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình theo hai hướng khác nhau. Ở hướng thứ nhất, nó làm gia tăng nhu cầu đối với các dịch vụ tài chính, trong đó có các dịch vụ được cung cấp bởi ngân hàng. Ở hướng thứ hai, tiền gửi về từ di cư là một nguồn thu nhập thay thế các nguồn tài chính có được từ thị trường tài chính, có thể giảm cầu đối với thị trường này. Lý do là cũng theo lý thuyết NELM, quyết định có thành viên di cư và gửi tiền về nhà của hộ gia đình nhằm giảm thiểu rủi ro khi thị trường tài chính, bảo hiểm không hoàn hảo, hộ gia đình có thể không tiếp cận được các thị trường này.

Đã có nhiều nghiên cứu về tác động của tiền gửi từ di cư tới khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng trên thế giới. Tiền gửi có thể làm tăng nhu cầu mở các tài khoản tiết kiệm (Aggarwal & Kumar, 2015; Ambrosius & Cuecuecha, 2016). Việc chuyển và nhận tiền gửi từ di cư có thể làm tăng hiểu biết về các dịch vụ tài chính chính thức và tăng cường quan hệ giúp các hộ gia đình tiếp cận dịch vụ tài chính dễ hơn (Chami & Fullenkamp, 2012; Nyamongo & cộng sự, 2012). Nguồn tiền gửi ở các ngân hàng có được từ tiền gửi về từ di cư có thể làm tăng cơ hội được vay vốn đối với các chủ thể khác trong nền kinh tế (Orozco & Fedewa, 2006; Terry, 2005). Tuy nhiên, cũng có bằng chứng cho rằng tiền gửi từ di cư làm giảm khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng khi làm giảm khả năng mở tài khoản cũng như vay vốn tại ngân hàng của hộ gia đình (Joshi & cộng sự, 2017).

Ở Việt Nam, trong hiểu biết của tác giả, có rất ít các nghiên cứu về tác động của tiền gửi từ di cư tới khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng, trong đó lại chỉ tập trung đến tiền gửi từ di cư quốc tế. Phạm (2015) cho thấy kiều hối có ảnh hưởng tích cực tới tín dụng mặc dù không đáng kể. Aneja & cộng sự (2017) cho thấy kiều hối làm tăng khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là các dịch vụ ngân hàng điện tử cho phụ nữ khu vực sông Mekong, trong đó có Việt Nam.

Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu từ VHLSS 2016 để đánh giá tác động của tiền gửi về từ di cư nội địa đến khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình. Bên cạnh đó, một số yếu tố cấp tính cũng được kiểm soát trong mô hình nghiên cứu. Dựa trên kết quả có được từ hồi quy logit và phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn (2SLS), các hàm ý chính sách được rút ra nhằm mục tiêu tăng cường khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng của các hộ gia đình ở Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

Có nhiều nghiên cứu về tác động của tiền gửi từ di cư tới khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng với ý nghĩa đây là một đại diện cho tài chính toàn diện hoặc thúc đẩy phát triển tài chính. Các nghiên cứu được tổng quan ở đây tập trung chủ yếu vào tác động của tiền gửi từ di cư tới tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình.

Khá nhiều nghiên cứu cho thấy tiền gửi về từ di cư tác động tích cực tới tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình. Tác động này có thể chia thành ba kênh. Đầu tiên, tiền gửi về từ di cư làm tăng nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng như mở tài khoản, chuyển tiền, gửi tiết kiệm... Aga & Peria (2014) sử dụng dữ liệu cấp hộ gia đình ở 5 nước Burkina Faso, Kenya, Nigeria, Senegal, and Uganda. Kết quả từ mô hình xác suất tuyến tính (LPM) và hồi quy với biến công cụ cho thấy tiền gửi từ di cư quốc tế làm tăng khả năng mở tài khoản tại ngân hàng của hộ ở cả năm nước này. Ajefu & Ogebe (2019) sử dụng dữ liệu từ khảo sát di cư và tiền gửi của hộ gia đình nhằm đánh giá tác động của tiền gửi tới tài chính toàn diện ở Nigeria. Trong nghiên cứu này, tác động của mạng lưới di cư được sử dụng làm biến công cụ cho tiền gửi về từ di cư nhằm khắc phục hiện tượng nội sinh. Thông qua kỹ thuật biến công cụ, nghiên cứu cho thấy rằng việc nhận tiền gửi về từ di cư đã làm tăng khả năng sử dụng các dịch vụ tài chính ở khu vực chính thức như có tài khoản mở tại ngân hàng hay Internet/mobile banking. Anzoategui & cộng sự (2014) sử dụng dữ liệu cấp hộ gia đình để xem xét tác động của kiều hối tới việc gửi tiết kiệm và vay tiền của hộ gia đình ở El Salvador.

Kết quả nghiên cứu cho thấy kiều hối làm tăng nhu cầu đối với các sản phẩm tiết kiệm ở các khu vực tài chính chính thức. Ambrosius & Cuecuecha (2016) nghiên cứu tác động của kiều hối tới việc sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức và phi chính thức ở Mexico. Kết quả cho thấy việc nhận được kiều hối có tác động tích cực đến việc sở hữu tài khoản tại ngân hàng của hộ. Ngoài kênh tác động của tiền gửi thông qua làm tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình, tiền gửi về từ di cư còn là một nguồn cung cấp vốn cho các ngân hàng, từ đó tăng cơ hội được vay vốn cho các tác nhân khác trong nền kinh tế (Orozco & Fedewa, 2006; Terry, 2005). Bên cạnh đó, việc thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi làm tăng hiểu biết và tăng khả năng sử dụng dịch vụ của ngân hàng. Watson (2009) cho thấy 30% khách hàng liên quan đến chuyển và nhận kiều hối tiếp tục là khách hàng ở các dịch vụ khác.

Bên cạnh các phát hiện về tác động tích cực, các bằng chứng về tác động tiêu cực của tiền gửi về từ di cư tới tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính chính thức, trong đó có ngân hàng cũng được tìm thấy. Joshi & cộng sự (2017) sử dụng dữ liệu cấp hộ gia đình để phân tích tác động của tiền gửi tới khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính chính thức ở Nepal. Tài chính toàn diện ở trong nghiên cứu này được đo lường thông qua các biến giả phản ánh hộ gia đình có tài khoản ở khu vực tài chính chính thức hay không và hộ gia đình có nhận được vốn vay từ khu vực tài chính chính thức không. Kết quả ước lượng từ mô hình probit cho thấy tiền gửi về từ di cư làm giảm nhu cầu về cả tài khoản tiết kiệm lẫn tín dụng của hộ gia đình đối với khu vực tài chính chính thức. Ambrosius & Cuecuecha (2013) sử dụng dữ liệu mảng cấp hộ gia đình ở Mexico cho thấy tiền gửi về từ di cư là một nguồn lực thay thế các khoản vay khi gia đình có các cú sốc liên quan đến sức khỏe. Nói cách khác, tiền gửi từ di cư đã đáp ứng các nhu cầu tài chính khẩn cấp, làm giảm sự phụ thuộc của hộ gia đình vào các khoản vay nợ, kể cả ở khu vực chính thức. Một nghiên cứu khác của Ambrosius & Cuecuecha (2016) đánh giá tác động của kiều hối đến tài chính toàn diện ở Mexico thông qua việc sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức và phi chính thức. Mặc dù kết quả nghiên cứu ủng hộ vai trò tích cực của kiều hối đến việc sở hữu tài khoản tiết kiệm và tài khoản tiền gửi của hộ, không có mối quan hệ giữa việc nhận kiều hối và khả năng vay tiền tại khu vực tài chính chính thức. Nghiên cứu này cho rằng dường như các tổ chức tài chính phi chính thức sẵn sàng cho vay đối với các hộ nhận được kiều hối, trong khi các tổ chức tài chính chính thức lại không đáp ứng hết nhu cầu của các hộ gia đình này, ngoại trừ việc cung cấp tài khoản tiết kiệm.

Các nghiên cứu về tác động của tiền gửi về từ di cư tới tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng ở Việt Nam không nhiều. Pham (2015) xem xét tác động của kiều hối lên sự phát triển tài chính ở cấp quốc gia. Sử dụng mô hình VAR, nghiên cứu này cho thấy kiều hối có tác động làm tăng nhẹ số lượng tài khoản tiền gửi tại ngân hàng. Trong khi đó, nhu cầu tín dụng lại giảm xuống có thể do dòng chảy vào của kiều hối. Mặc dù Aneja & cộng sự (2017) tập trung nhiều hơn về vấn đề bình đẳng giới trong tiếp cận tài chính, kết quả của nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng tiền gửi từ di cư quốc tế là một yếu tố quan trọng thúc đẩy tiếp cận và sử dụng dịch vụ tài chính cho phụ nữ, đặc biệt là khả năng truy cập thông qua các kênh kỹ thuật số.

Khác với các nghiên cứu đã có ở Việt Nam, nghiên cứu này đánh giá tác động của tiền gửi về từ di cư nội địa đến khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình. Dữ liệu chính được sử dụng là Khảo sát mức sống hộ gia đình ở Việt Nam năm 2016 (VHLSS 2016). Phương pháp bình phương tối thiểu hai giai đoạn (2SLS) được áp dụng nhằm khắc phục hiện tượng nội sinh có thể có trong mô hình kỳ vọng sẽ mang lại một ước lượng hiệu quả. Dựa trên kết quả này, các kết luận và hàm ý chính sách nhằm tăng cường vai trò của tiền gửi về từ di cư đến tài chính toàn diện sẽ được đề xuất.

3. Dữ liệu và phương pháp

3.1. Dữ liệu

Bộ dữ liệu chính được sử dụng trong mô hình là kết quả Khảo sát mức sống hộ gia đình ở Việt Nam năm 2016 (VHLSS 2016). Khảo sát này chứa các thông tin về khu vực sinh sống của hộ, các đặc điểm của hộ như số lượng thành viên, giới tính, đặc điểm của chủ hộ, thu nhập và các nguồn thu nhập của hộ cũng như chi tiêu của hộ... Trong khảo sát các nguồn thu nhập của hộ, có thể khai thác được thông tin về lượng tiền gửi mà hộ nhận được từ các thành viên của hộ di cư nội địa gửi về. Bên cạnh đó, khảo sát có thông tin về việc hộ gia đình có tài khoản và số tiết kiệm mở tại ngân hàng không, hộ có sử dụng các dịch vụ tín dụng như ATM, thẻ tín dụng hay không. Ngoài bộ dữ liệu này, dữ liệu của Điều tra doanh nghiệp 2016 được sử dụng kết hợp với số liệu của Tổng cục Thống kê (GSO) để ước lượng số chi nhánh ngân hàng có trên 1000 ha diện tích đất ở.

3.2. Phương pháp

Dựa trên các nghiên cứu Ajefu & Ogebe (2019), Joshi & cộng sự (2017) và Aga & Peria (2014), nghiên cứu này sử dụng mô hình ước lượng sau đây để đánh giá tác động của tiền gửi về từ di cư nội địa tới khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình

$$Y_i = \alpha + \beta * remit_i + \gamma * X_i + u_i \quad (1)$$

Trong đó, i là chỉ số phản ánh hộ gia đình. Y là biến giả phản ánh khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình, được đại diện bởi:

- 1- Hộ gia đình có tài khoản hoặc sổ tiết kiệm mở tại ngân hàng hay không. Nếu có, Y nhận giá trị bằng 1, ngược lại $Y = 0$;
- 2- Hộ gia đình có sử dụng các dịch vụ tài chính của ngân hàng như thẻ ATM hoặc thẻ tín dụng không. Nếu có, Y nhận giá trị bằng 1; ngược lại $Y = 0$.

Biến quan tâm trong mô hình (1) là *remit*. Đây là biến giả phản ánh liệu hộ có nhận được tiền gửi từ di cư nội địa hay không. Nếu hộ gia đình nhận được tiền gửi từ di cư nội địa thì $remit = 1$, nếu hộ không nhận được thì $remit = 0$.

X là các biến kiểm soát trong mô hình, bao gồm đặc điểm của hộ như khu vực sinh sống là thành thị hay nông thôn; quy mô của hộ; tỷ lệ người phụ thuộc trong hộ (tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi và người già trên 60 tuổi trong hộ); bởi vì mức sống của hộ có ảnh hưởng đến việc sử dụng các dịch vụ tài chính, chi tiêu bình quân đầu người của hộ được đưa vào làm biến kiểm soát trong mô hình (được lấy logarit cơ số tự nhiên); các hoạt động kinh tế của hộ cũng có thể ảnh hưởng đến tình trạng sử dụng dịch vụ tài chính của hộ gia đình, do vậy mô hình đưa thêm biến giả phản ánh có phải hộ chỉ có nguồn thu duy nhất từ nông nghiệp hay không; bên cạnh đó, các biến kiểm soát còn bao gồm một số đặc điểm của chủ hộ như giới tính và trình độ giáo dục. Mật độ các chi nhánh ngân hàng có trên địa bàn cũng có thể ảnh hưởng tới tình trạng sử dụng dịch vụ tài chính, ở đây mật độ này được tính bằng số chi nhánh ngân hàng/1000ha đất ở của tỉnh. Định nghĩa và đo lường các biến được trình bày ở Phụ lục.

Đầu tiên, hồi quy logit được sử dụng để ước lượng mô hình (1). Tuy nhiên, kết quả từ kỹ thuật này sẽ bị chệch nếu tiếp cận các dịch vụ tài chính ảnh hưởng ngược lại đến tiền gửi mà hộ nhận được, hoặc do có mối tương quan giữa các biến và sai số trong mô hình do thiếu biến. Có ba cách tiếp cận cơ bản để ước lượng mô hình với biến phụ thuộc nhị phân và tồn tại vấn đề nội sinh là: ước lượng hợp lý cực đại, hàm kiểm soát và mô hình xác suất tuyến tính (Dong & Lewbel, 2015). Mỗi phương pháp đều có các ưu nhược điểm riêng. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn (2SLS) với mô hình xác suất tuyến tính được sử dụng cho từng bước vì một số lý do chính sau đây: thứ nhất, mô hình xác suất tuyến tính không yêu cầu sai số trong hồi quy ở bước 1 phải thỏa mãn bất kỳ tính chất nào của một mô hình được chỉ định chính xác. Thứ hai, hàm kiểm soát yêu cầu biến nội sinh phải là biến liên tục (trong khi biến nội sinh trong nghiên cứu này lại là biến nhị phân). Thứ ba, để xem xét tác động nhân quả thì kỹ thuật 2SLS vẫn có thể được sử dụng trong trường hợp cả biến nội sinh và biến phụ thuộc là biến nhị phân (Angrist, 2001).

Trong kỹ thuật 2SLS, biến công cụ của biến tiền gửi về từ di cư (*remit*) là tỷ lệ hộ gia đình nhận được tiền gửi từ di cư nội địa và giá trị tiền gửi trung bình mỗi hộ nhận được. Biến công cụ này được biết đến như là ảnh hưởng của mạng lưới di cư (Ajefu & Ogebe, 2019; Joshi & cộng sự, 2017). Lý thuyết mạng lưới cho rằng chi phí di cư của những người di cư đầu tiên là rất cao, nhưng khi số lượng người di cư tăng lên, mạng lưới di cư ngày càng phát triển sẽ làm giảm dần chi phí di cư của những người di cư sau. Số lượng người di cư càng nhiều thì mạng lưới di cư càng rộng và việc di cư càng dễ dàng. Điều này sẽ ảnh hưởng đến khả năng nhận được cũng như lượng tiền gửi về nhà của người di cư.

Từ những lập luận dựa vào lý thuyết di cư ở trên, sự lựa chọn ảnh hưởng của mạng lưới di cư làm biến công cụ cho tiền gửi về từ di cư mà hộ gia đình nhận được có thể thỏa mãn tính chất của một biến công cụ: mạng lưới di cư có tương quan dương với tiền gửi từ di cư. Ở đây, giả định rằng mạng lưới di cư không tác động trực tiếp đến biến phụ thuộc là khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình. Tuy vậy, các kiểm định về tính nội sinh và mức độ phù hợp của biến công cụ sẽ được tiến hành sau khi hồi quy bằng phương pháp 2SLS.

4. Kết quả và thảo luận

Bảng 1 trình bày kết quả ước lượng từ mô hình logit. Có thể thấy rằng việc nhận tiền từ di cư nội địa có tương quan thuận với xác suất có tài khoản và sử dụng dịch vụ thẻ ngân hàng của các hộ gia đình. Trong đó, hệ số của biến *remit* có ý nghĩa thống kê ở mức 10% trong mô hình với biến phụ thuộc là *acc*, hàm ý rằng nhận được tiền gửi từ di cư nội địa làm tăng khả năng hộ có tài khoản hoặc mở sổ tiết kiệm ở ngân hàng.

Bảng 2 trình bày kết quả ước lượng mô hình (1) từ phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn (2SLS).

Bảng 1: Tác động của nhận tiền gửi từ di cư nội địa đến khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng của các hộ gia đình (kết quả của mô hình logit)

Biến phụ thuộc	<i>acc</i>	<i>card</i>
Biến độc lập		
<i>remit</i>	0,0307* (0,0174)	0,009 (0,0206)
<i>hhsiz</i>	0,0634*** (0,0048)	0,1084*** (0,0061)
<i>rdepend</i>	-0,0087 (0,0242)	-0,2191*** (0,0305)
<i>rfemale</i>	-0,0542 (0,0356)	-0,0651 (0,0423)
<i>lpcexp</i>	0,2823*** (0,0153)	0,2952*** (0,0179)
<i>agr</i>	-0,0118 (0,0184)	-0,0619*** (0,0195)
<i>edu_head</i>	0,0222*** (0,0032)	0,0495*** (0,0044)
<i>gen_head</i>	-0,0515*** (0,0192)	-0,0751*** (0,0226)
<i>dbank</i>	10,2132** (4,2489)	-5,6245 (5,184)
<i>urban</i>	0,1069*** (0,0176)	0,0925*** (0,0195)
Số quan sát	4071	4071

Nguồn: Kết quả ước lượng từ mô hình logit.

Ghi chú: Hệ số thể hiện tác động biên, sai số chuẩn vững ở trong dấu ngoặc; *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$.

Kết quả ước lượng ở Bảng 2 cho thấy hệ số của biến *remit* ở cả mô hình với biến phụ thuộc là *acc* và *card* đều mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Nhận được tiền gửi từ di cư nội địa làm tăng khả năng hộ có tài khoản hoặc sổ tiết kiệm tại ngân hàng lên 9 điểm phần trăm và tăng khả năng hộ có sử dụng thẻ ATM hoặc thẻ tín dụng lên 9 điểm phần trăm. Lý do nhận được tiền gửi làm tăng khả năng sử dụng các dịch vụ của ngân hàng là do tiền gửi về làm tăng thu nhập của hộ gia đình và có thể làm gia tăng nhu cầu tiết kiệm. Bên cạnh đó, kết quả ước lượng cho thấy người di cư và hộ có người di cư có thể đang lựa chọn ngân hàng để thực hiện việc gửi và nhận tiền gửi từ di cư. Đây là tín hiệu tích cực bởi trong một số khảo sát có thông tin về cách chuyển tiền về nhà của người di cư nội địa ở Việt Nam, sử dụng dịch vụ ngân hàng chỉ là một lựa chọn nhỏ trong số nhiều lựa chọn như tự mang về, gửi bạn bè mang về hay gửi qua xe khách... Chẳng hạn như GSO & IOM Viet Nam (2012) cho thấy mặc dù được người di cư tự đánh giá là cách an toàn, nhưng chỉ có hơn 13% số người di cư thường sử dụng dịch vụ chuyển tiền về nhà qua ngân hàng. Trong khi đó, gần 68% số người di cư thường xuyên lựa chọn chuyển tiền bằng hình thức tự mang về, 11,5% số người di cư thường gửi qua xe khách hoặc bạn bè mang về mặc dù cho rằng đây là các cách không an toàn.

Đối với các biến kiểm soát trong mô hình, kết quả từ hồi quy logit và 2SLS khá thống nhất khi cho thấy số lượng thành viên của hộ, trình độ học vấn của chủ hộ tăng lên làm tăng khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình. Hộ có chi tiêu bình quân đầu người càng lớn thì khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng

Bảng 2: Tác động của tiền gửi từ di cư nội địa đến khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình (kết quả từ phương pháp 2SLS)

Biến độc lập	acc	card
remit	0,0914*** (0,0298)	0,0909*** (0,0313)
hhsz	0,0578*** (0,00421)	0,0831*** (0,00435)
rdepend	0,00260 (0,0201)	-0,129*** (0,0203)
rfemale	-0,0477 (0,0309)	-0,0365 (0,0316)
lpcexp	0,243*** (0,0118)	0,225*** (0,0120)
agr	-0,00714 (0,0135)	-0,0433*** (0,0143)
edu_head	0,0287*** (0,00346)	0,0440*** (0,00318)
gen_head	-0,0584*** (0,0163)	-0,0694*** (0,0167)
dbank	5,869 (4,030)	-5,555 (4,065)
urban	0,127*** (0,0169)	0,0960*** (0,0169)
Constant	-2,558*** (0,126)	-2,359*** (0,128)
Số quan sát	4071	4071
R bình phương	0,265	0,292
Robust score chi2(1)	6,91315 (p = 0,0086)	9,37773 (p = 0,0022)
Robust regression F(1,4059)	6,95177 (p = 0,0084)	9,41588 (p = 0,0022)
Score chi2(1)	0,498758 (p = 0,4800)	1,00774 (p = 0,3154)
Robust F(2,4059)	439,88 (0,0000)	439,88 (0,0000)

Nguồn: Kết quả ước lượng từ mô hình 2SLS.

Ghi chú: Sai số chuẩn vừng ở trong dấu ngoặc; *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$.

càng cao. Việc hộ chỉ có nguồn thu duy nhất từ hoạt động nông nghiệp có tương quan âm với khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình, đặc biệt là đối với sử dụng dịch vụ thẻ. Trong khi đó, tác động của mật độ chi nhánh ngân hàng lên việc sử dụng các dịch vụ do ngân hàng cung cấp của hộ gia đình chỉ có ý nghĩa thống kê trong mô hình với biến phụ thuộc *acc* ở hồi quy logit và không có ý nghĩa thống kê trong kết quả từ phương pháp 2SLS. Kết quả này hàm ý rằng việc sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình nhìn chung bắt nguồn từ các yếu tố thuộc về phía cầu hơn là phía cung. Bên cạnh đó, kết quả ước lượng khá thú vị khi cho thấy khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ sẽ tăng lên nếu chủ hộ là nữ.

Hệ số ước lượng của biến *urban* trong kết quả ước lượng của cả mô hình logit và 2SLS đều mang dấu dương và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Điều này khẳng định rằng các hộ gia đình ở thành thị có khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng cao hơn các hộ sống ở nông thôn. Để phân tích rõ hơn tác động của tiền gửi về từ di cư đến sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình xét trong từng khu vực, nghiên cứu tiếp tục xem xét tác động này theo khu vực thành thị và nông thôn. Kết quả được trình bày ở Bảng 3.

Nhìn chung, nhận được tiền gửi từ di cư nội địa có mối tương quan thuận với việc hộ gia đình sử dụng dịch vụ ngân hàng ở cả thành thị và nông thôn. Tuy nhiên, hệ số ước lượng chỉ có ý nghĩa thống kê (mức 1%) ở khu vực nông thôn. Nếu một hộ gia đình ở khu vực nông thôn nhận tiền gửi từ di cư nội địa, xác suất mở tài khoản tiền gửi tăng 8 điểm phần trăm và xác suất hộ gia đình đó sử dụng dịch vụ thẻ tăng 11,2 điểm phần trăm. Kết quả này cho thấy tiền gửi từ di cư nội địa đã thúc đẩy nhu cầu mở tài khoản và sử dụng dịch vụ thẻ của các hộ gia đình nông thôn. Lý do ở đây có thể là các thành viên di cư trong các hộ gia đình nông thôn thường đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra thu nhập của hộ. Chính vì vậy mà cả nhu cầu sử dụng dịch vụ chuyển tiền và tần suất gửi tiền của họ đều cao. Bên cạnh đó, tỷ lệ hộ sử dụng dịch vụ ngân hàng ở

Bảng 3: Tác động của tiền gửi từ di cư nội địa đến khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình, phân theo thành thị và nông thôn

Biến độc lập	Biến phụ thuộc			
	acc		card	
	Khu vực thành thị (tác động biên) (1)	Khu vực nông thôn (2)	Khu vực thành thị (tác động biên) (3)	Khu vực nông thôn (4)
remit	0,0287 (0,0436)	0,0802*** (0,0307)	0,0446 (0,0436)	0,112*** (0,0351)
hhsz	0,0910*** (0,0118)	0,0524*** (0,00488)	0,1239*** (0,0137)	0,0834*** (0,00514)
rdepend	-0,0414 (0,0578)	0,0146 (0,0217)	-0,3490*** (0,0615)	-0,0812*** (0,0227)
rfemale	-0,0310 (0,0845)	-0,0583* (0,0339)	-0,0363 (0,0901)	-0,0448 (0,0358)
lpccxp	0,3901*** (0,0376)	0,221*** (0,0138)	0,3118*** (0,0385)	0,234*** (0,0140)
agr	-0,0014 (0,0663)	-0,00884 (0,0137)	-0,0930 (0,0688)	-0,0367** (0,0149)
edu_head	0,0357*** (0,0066)	0,0251*** (0,00537)	0,0719*** (0,0082)	0,0415*** (0,00521)
gen_head	-0,0502 (0,0378)	-0,0624*** (0,0191)	-0,0349 (0,0382)	-0,0936*** (0,0210)
dbank	-7,1493 (11,493)	9,818** (4,436)	30,4566 (22,106)	0,0624 (0,605)
Hệ số chặn		-2,306*** (0,148)		-2,472*** (0,150)
Số quan sát	1224	2847	1224	2847
R bình phương		0,146		0,19
Pseudo R2	0,19		0,25	
Robust score chi2(1)		4,35365 (p =		9,12652 (p =
Robust regression		0,0369)		0,0025)
F(1,2836)		4,38898 (p =		9,25764 (p =
		0,0363)		0,0024)
Robust F(2,2836)		F(2,2836) =		F(2,2836) =
		311,697		315,06
		(0,0000)		(0,0000)

Nguồn: Kết quả ước lượng từ VHLSS 2016

Ghi chú: Kết quả ở cột (2) và (4) từ mô hình 2SLS; kết quả ở cột (1) và (3) từ mô hình logit. Sai số chuẩn vững ở trong dấu ngoặc; *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$.

khu vực nông thôn hiện đang thấp hơn nhiều so với khu vực thành thị. Mặt khác, các hoạt động tài chính liên quan đến chuyển tiền có thể cải thiện kiến thức của các hộ gia đình nông thôn về các dịch vụ ngân hàng, từ đó tăng khả năng sử dụng các dịch vụ khác do ngân hàng cung cấp. Tác động này được chỉ ra ở các nghiên cứu của Chami & Fullenkamp (2012) và Nyamongo & cộng sự (2012). Có thể thấy rằng tác động của tiền gửi từ di cư nội địa làm tăng khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng (bao gồm mở tài khoản và sử dụng dịch vụ thẻ) của hộ gia đình ở khu vực nông thôn là rất đáng chú ý.

Hệ số của các biến kiểm soát như số thành viên hộ gia đình, chi tiêu bình quân đầu người và số năm đi học của chủ hộ tiếp tục có ý nghĩa thống kê. Kết quả này khẳng định vai trò của các đặc điểm hộ gia đình trong quyết định có sử dụng dịch vụ ngân hàng hay không.

5. Kết luận và khuyến nghị chính sách

Sử dụng dữ liệu từ Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 2016 (VHLSS 2016), nghiên cứu này khám phá tác động của tiền gửi từ di cư nội địa đến việc sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình ở Việt Nam. Bên cạnh hồi quy logit, tác động của mạng lưới di cư được sử dụng như biến công cụ (IV) cho tiền gửi từ di cư các hộ nhận được. Kết quả từ phương pháp bình phương nhỏ nhất hai giai đoạn (2SLS) chỉ ra rằng tiền

gửi từ di cư nội địa có thể làm tăng khả năng có tài khoản ngân hàng hoặc có sổ tiết kiệm tại ngân hàng và sử dụng dịch vụ thẻ của hộ gia đình. Hơn nữa, ở cả khu vực nông thôn và thành thị, các bằng chứng thực nghiệm cho thấy mối quan hệ tích cực giữa tiền gửi từ di cư nội địa và việc mở tài khoản ngân hàng của các hộ gia đình. Tuy nhiên, việc nhận tiền gửi từ di cư chỉ có ý nghĩa thống kê khi xem xét tác động của nó tới khả năng mở tài khoản và sử dụng dịch vụ thẻ của các hộ gia đình ở khu vực nông thôn. Tác động này là đáng kể vì tỷ lệ hộ gia đình không sử dụng các dịch vụ ngân hàng đang rất cao ở khu vực nông thôn.

Dựa trên kết quả nghiên cứu thực nghiệm, một số hàm ý được rút ra như sau:

Thứ nhất, tác động của tiền gửi từ di cư nội địa đến khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng của hộ gia đình cho thấy người di cư và gia đình của họ có nhu cầu sử dụng ngân hàng như một kênh gửi, nhận và tiết kiệm tiền. Các ngân hàng cần quan tâm hơn đến người di cư trong nước, tìm hiểu nhu cầu tiềm năng của họ để cung cấp các sản phẩm dịch vụ phù hợp.

Thứ hai, vai trò tích cực của giáo dục chủ hộ trong việc làm tăng khả năng sử dụng các dịch vụ ngân hàng ngụ ý rằng các ngân hàng cần chú trọng cung cấp kiến thức và thông tin một cách đầy đủ đến khách hàng, đặc biệt là đối với các hộ gia đình có trình độ học vấn thấp.

Thứ ba, nghiên cứu này cung cấp bằng chứng cho thấy giới tính chủ hộ có ảnh hưởng đến việc sử dụng dịch vụ ngân hàng. Do đó, Chính phủ và các ngân hàng nên khai thác các tác động đặc trưng của giới đối với nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngân hàng.

Cuối cùng, tỷ lệ sử dụng dịch vụ ngân hàng của các hộ gia đình vẫn còn thấp ở khu vực nông thôn, trong khi việc nhận tiền gửi từ di cư nội địa có thể làm tăng khả năng sử dụng dịch vụ ngân hàng của các hộ gia đình ở đây. Chính vì vậy, Chính phủ cần có nhiều chính sách hơn nữa để quản lý và nâng cao lợi ích của tiền gửi từ di cư nội địa, đặc biệt là khu vực nông thôn.

PHỤ LỤC

Bảng A1: Định nghĩa và đo lường các biến có trong mô hình

Tên biến	Định nghĩa và đo lường
acc	Hộ có tài khoản hoặc sổ tiết kiệm mở tại ngân hàng (có = 1, không = 0)
card	Hộ có sử dụng thẻ ATM hoặc debit card (có = 1, không = 0)
remit	Hộ có nhận được tiền gửi từ di cư nội địa (có = 1, không = 0)
hhsz	Số thành viên trong hộ
rdepend	Tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi và người già trên 60 tuổi trong hộ (tỷ lệ phụ thuộc)
rfemale	Tỷ lệ phụ nữ trong hộ
lpccxp	Logarit cơ số tự nhiên chi tiêu bình quân đầu người (1000VND) của hộ trong năm
agr	Hộ chỉ có thu nhập từ nông nghiệp (đúng = 1, sai = 0)
edu_head	Số năm đi học của chủ hộ
gen_head	Giới tính chủ hộ (nam = 1, nữ = 0)
dbank	Số chi nhánh ngân hàng có trên 1000 ha đất ở của tỉnh
urban	Hộ sống ở thành thị (có = 1, không = 0)

Bảng A2: Ma trận hệ số tương quan giữa các biến có trong mô hình

	acc	card	remit	hhsz	rdepend	rfemale	lpccxp	agr	edu_head	gen_head	dbank
acc	1										
card	0,6167	1									
remit	0,0879	0,0337	1								
hhsz	0,0913	0,1837	-0,0291	1							
rdepend	-0,052	-0,1384	0,096	-0,0285	1						
rfemale	-0,0207	-0,0377	0,0341	-0,0985	0,1675	1					
lpccxp	0,4257	0,384	0,1431	-0,2783	-0,1301	-0,0072	1				
agr	-0,1389	-0,1714	-0,0252	-0,1134	0,0137	-0,0174	-0,152	1			
edu_head	0,3327	0,3719	0,0062	-0,0089	-0,0741	-0,0426	0,4283	-0,1216	1		
gen_head	-0,054	-0,0302	-0,0312	0,213	-0,0885	-0,3903	-0,0979	0,0832	0,0427	1	
dbank	0,0079	-0,0318	0,0259	-0,1068	0,0778	0,0418	0,0354	0,007	0,0524	0,0121	1

Tài liệu tham khảo:

- Aga, G.A. & Peria, M.S.M. (2014), *International remittances and financial inclusion in Sub-Saharan Africa*, The World Bank.
- Aggarwal, A. & Kumar, N. (2015), 'Structural change, industrialization, and poverty reduction', in *Structural Change and Industrial Development in the BRICS*, Naudé, W., Szirmai, A. & Haraguchi, N. (Eds.), Oxford University Press, Oxford, 199-243.
- Ajefu, J.B. & Ogebe, J.O. (2019), 'Migrant remittances and financial inclusion among households in Nigeria', *Oxford Development Studies*, 47(1), 1-17.
- Ambrosius, C. & Cuecuecha, A. (2013), 'Are remittances a substitute for credit? Carrying the financial burden of health shocks in national and transnational households', *World Development*, 46, 143-152.
- Ambrosius, C. & Cuecuecha, A. (2016), 'Remittances and the use of formal and informal financial services', *World Development*, 77, 80-98.
- Aneja, A., Gravesteyn, R. & Hwang, B.H. (2017), *Remittances as a driver of women's financial inclusion*, UNCDF SHIFT.
- Angrist, J.D. (2001), 'Estimation of limited dependent variable models with dummy endogenous regressors: simple strategies for empirical practice', *Journal of business & economic statistics*, 19(1), 2-28.
- Anzoategui, D., Demirgüç-Kunt, A. & Martínez Pería, M.S. (2014), 'Remittances and financial inclusion: Evidence from El Salvador', *World Development*, 54, 338-349.
- Chami, R. & Fullenkamp, C. (2012), 'Workers' remittances and economic development: Realities and possibilities', in *Maximizing the development impact of remittances*, United Nations Conference on Trade and Development, New York.
- Dong, Y. & Lewbel, A. (2015), 'A simple estimator for binary choice models with endogenous regressors', *Econometric Reviews*, 34(1-2), 82-105.
- GSO & IOM Viet Nam (2012), *Gender and remittances from internal migrants*, Hanoi.
- Joshi, N.K. & Shrestha, S. (2017), 'Remittances and financial inclusion: Evidence from Nepal', presentation at the *2017 Twelfth Annual Himalayan Policy Research Conference*, University of New Mexico, USA, October 26th.
- Nyamongo, E.M., Misati, R.N., Kipyegon, L. & Ndirangu, L. (2012), 'Remittances, financial development and economic growth in Africa', *Journal of economics and business*, 64(3), 240-260.
- Orozco, M. & Fedewa, R. (2006), 'Leveraging efforts on remittances and financial intermediation', *INTAL Working Papers No 1448*, Inter-American Development Bank, INTAL.
- Pham Thi Hoang Anh (2015), 'Impact of remittances on financial development in Vietnam', *Journal of Economic Development*, 22(3), 46-58.
- Stark, O. & Taylor, J.E. (1991), 'Migration incentives, migration types: The role of relative deprivation', *The Economic Journal*, 101(408), 1163-1178.
- Stark, O., Taylor, J.E. & Yitzhaki, S. (1986), 'Remittances and inequality', *The Economic Journal*, 96(383), 722-740.
- Terry, D.F. (2005), *Beyond small change: Making migrant remittances count*, Inter-American Development Bank, Washington, D.C.
- Watson, G. (2009), 'Linking remittances and access to finance', presentation at the *Global Remittances Working Group: G8 International Conference on Remittances*, Rome, September 9th.